

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 23-4-2025

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Th.

2. Ông Nguyễn Văn L1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh D – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 199/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh LA.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Sô A, khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh LA.

Bà T, ông H có mặt. Ông P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Võ Thị Kim T trình bày:

Ngày 10/01/2024 bà T có cho ông Nguyễn Thanh P vay số tiền 55.000.000 đồng mục đích để sản xuất nông nghiệp, thời hạn trả 10/12/2024, lãi suất theo thỏa thuận, khi vay tiền có làm biên nhận. Từ ngày vay đến nay ông P không trả gốc và lãi cho bà T nên bà T nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông P phải trả nợ gốc

là 55.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính từ ngày 10/01/2024 đến 13/12/2024 là 55.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng (tính tròn), thành tiền là 5.021.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 60.021.500 đồng.

Trong lời khai tại Tòa án, ông Trần Văn H trình bày:

Ông Trần Văn H là chồng bà Võ Thị Kim T, ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà T.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Nguyễn Thanh P vắng mặt, không có ý kiến.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày

Bà T xác định yêu cầu buộc ông P phải trả nợ gốc là 55.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 10/01/2024 đến 13/12/2024 là 55.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng (tính tròn), thành tiền là 5.021.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 60.021.500 đồng.

Ông Trần Văn H trình bày thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà T.

Ông P vắng mặt không có ý kiến.

Bà T đồng ý công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Ông Nguyễn Thanh P cư trú tại ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh LA. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông P: Ông P đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông P.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc: Bà T khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 (một) Giấy mượn vốn đề ngày 10/01/2024, ông P mượn số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 10/12/2024, mục đích sử dụng là để sản xuất nông nghiệp. Lãi suất theo thỏa thuận. Ông P vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở xác định ông P có xác lập với bà T hợp

đồng vay tài sản có kỳ hạn có lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] *Về yêu cầu trả nợ lãi*: Giấy mượn vốn đề ngày 10/01/2024 có nội dung tính lãi nhưng không thể hiện lãi suất, thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Ông P vắng mặt, không có ý kiến về lãi suất nên xem như có tranh chấp về lãi suất. Bà T yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 10/01/2024 đến ngày 13/12/2024 theo lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và có lợi cho ông P nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: $55.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng tính tròn (từ ngày 10/01/2024 đến 13/12/2024)} \times 0,83\%/tháng = 5.021.500 \text{ đồng}$.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông P có trách nhiệm trả nợ vay gốc là 55.000.000 đồng và nợ lãi là 5.021.500 đồng, tổng cộng là 60.021.500 đồng.

[6] *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] *Về án phí*:

Bà Võ Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

Ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $60.021.500 \text{ đồng} \times 5\% = 3.001.000 \text{ đồng}$ (tính tròn số tiền).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của bà Võ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Thanh P, buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 5.021.500 (năm triệu không trăm hai mươi một ngàn năm trăm) đồng, tổng cộng là 60.021.500 (sáu mươi triệu không trăm hai mươi một ngàn năm trăm) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Bà Võ Thị Kim T không phải chịu án phí, bà T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

3.2. Ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm làm tròn số tiền là 3.001.000 đồng (ba triệu không trăm lẻ một ngàn) đồng.

4. Bà Võ Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CC.THADS thị xã K;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L